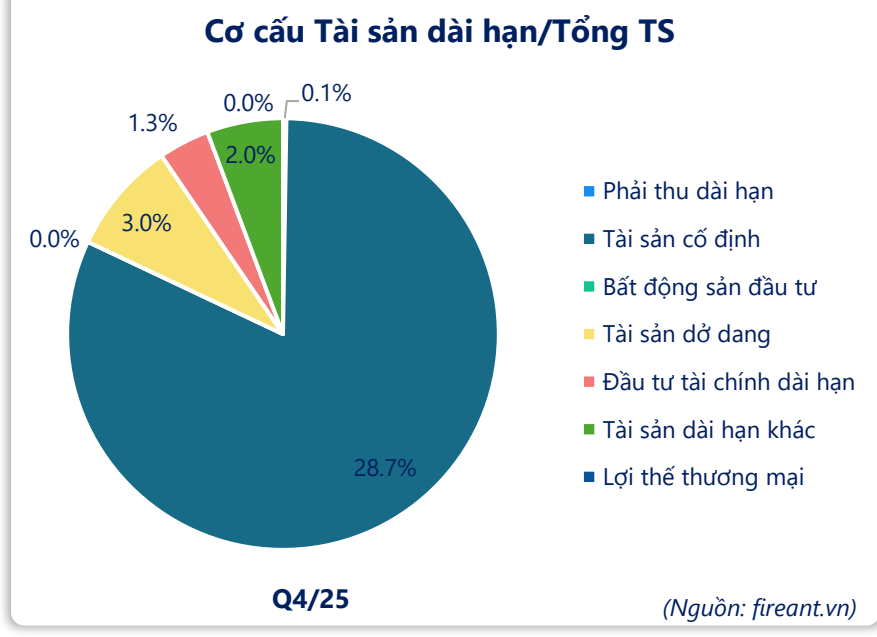
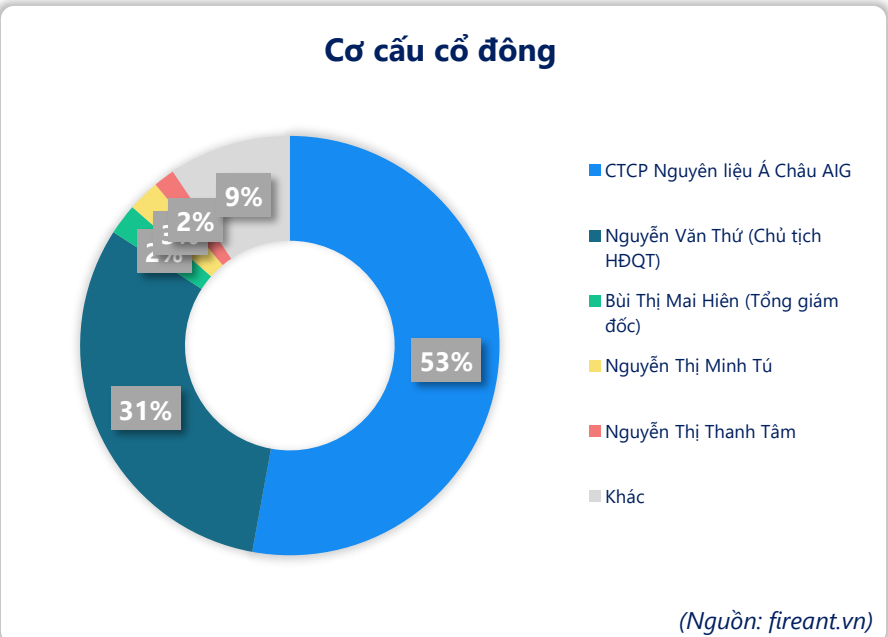
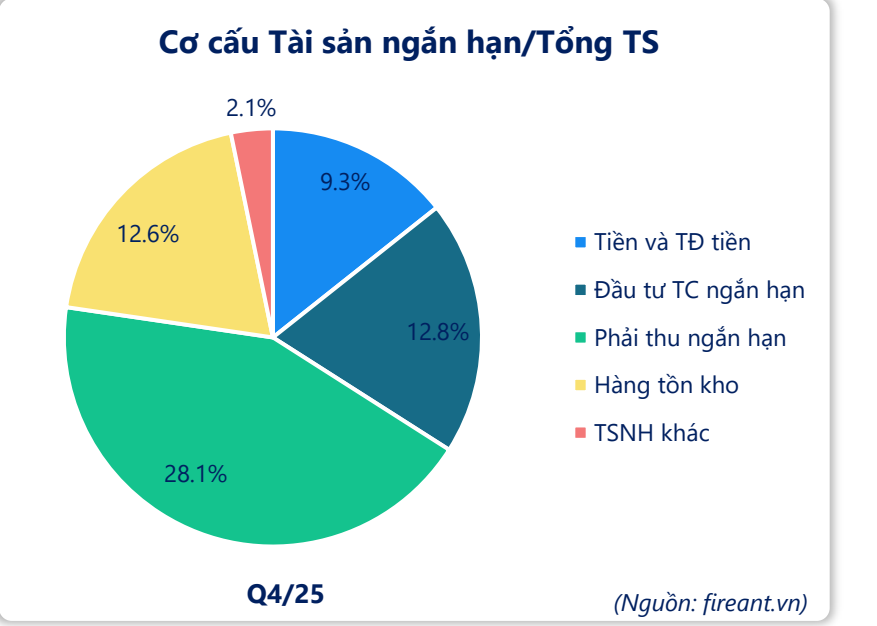
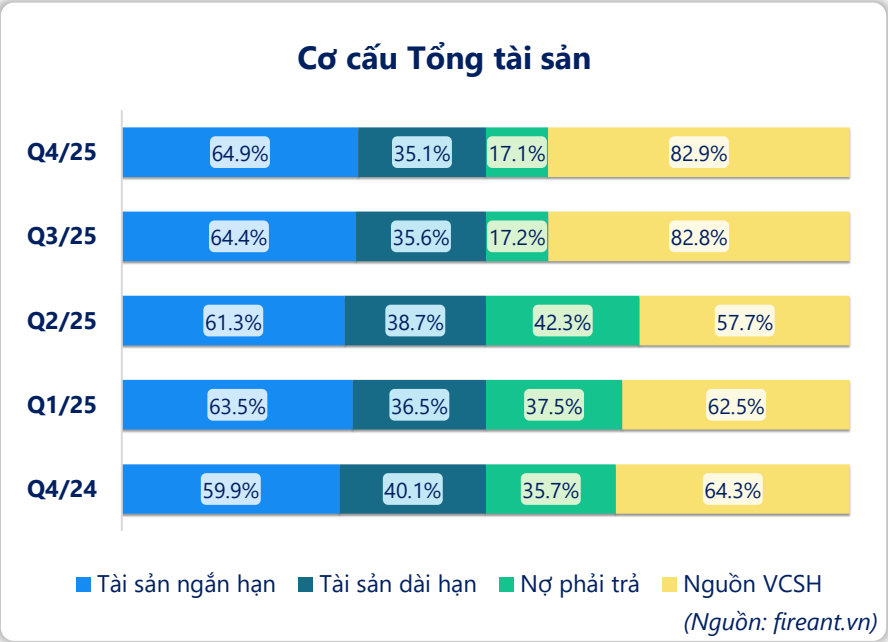
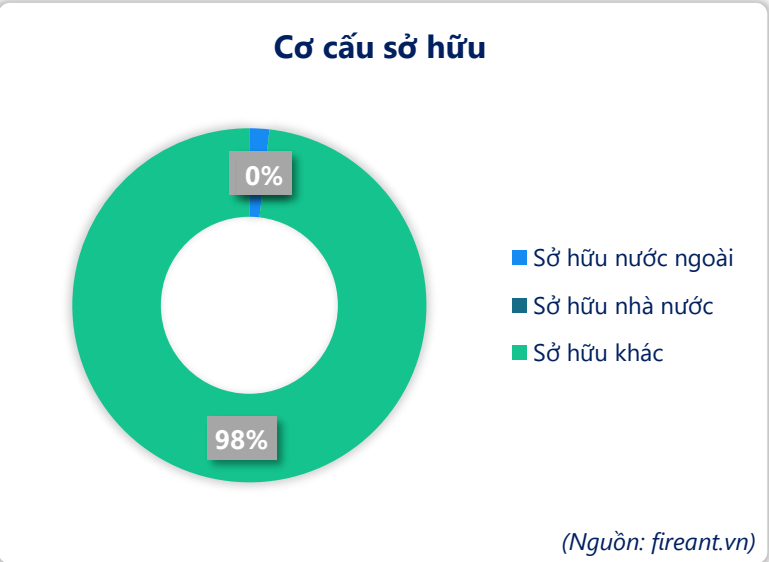
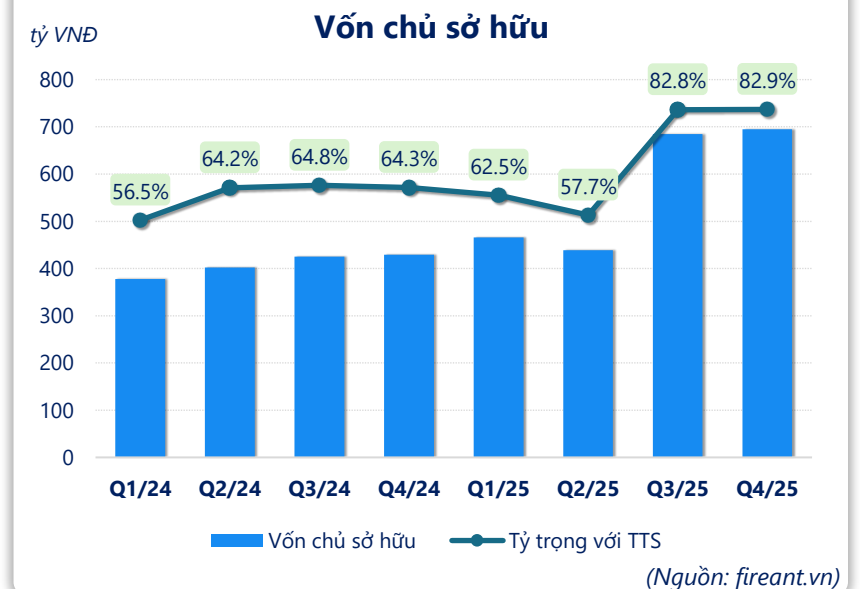
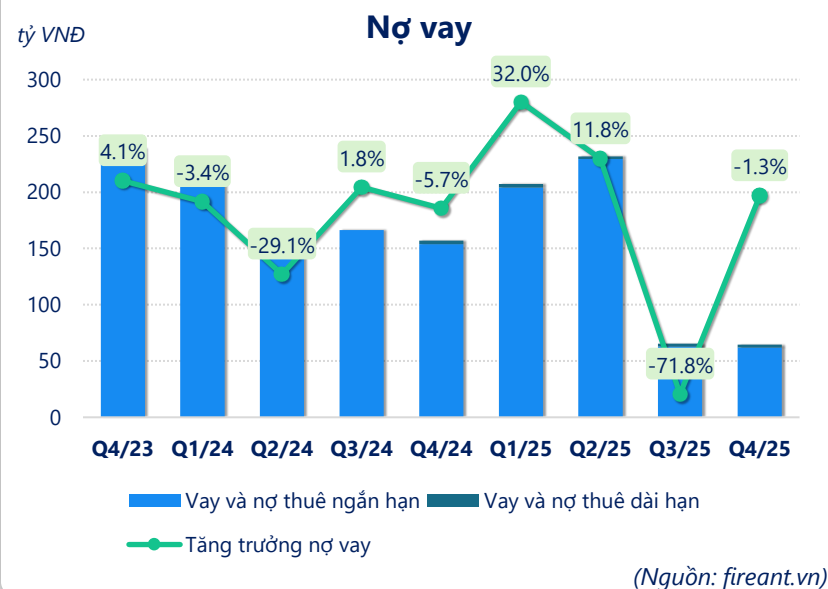
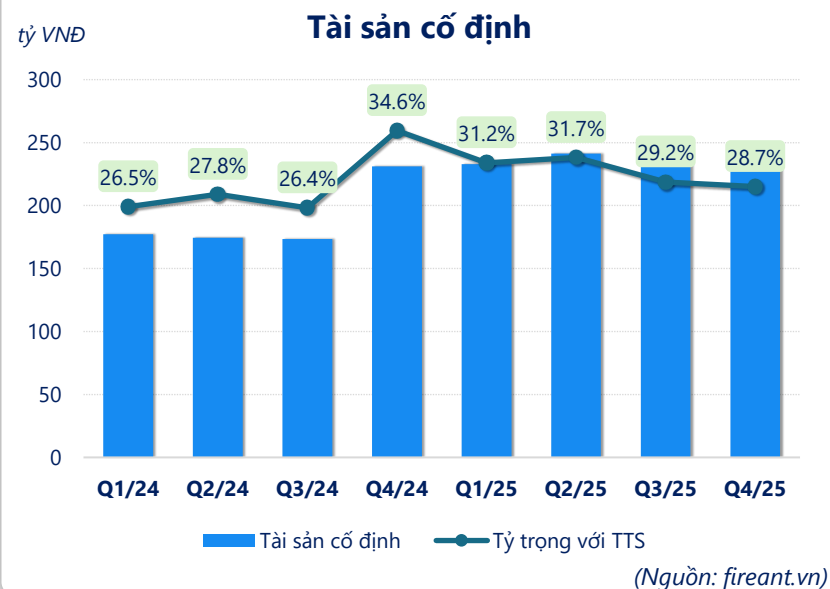
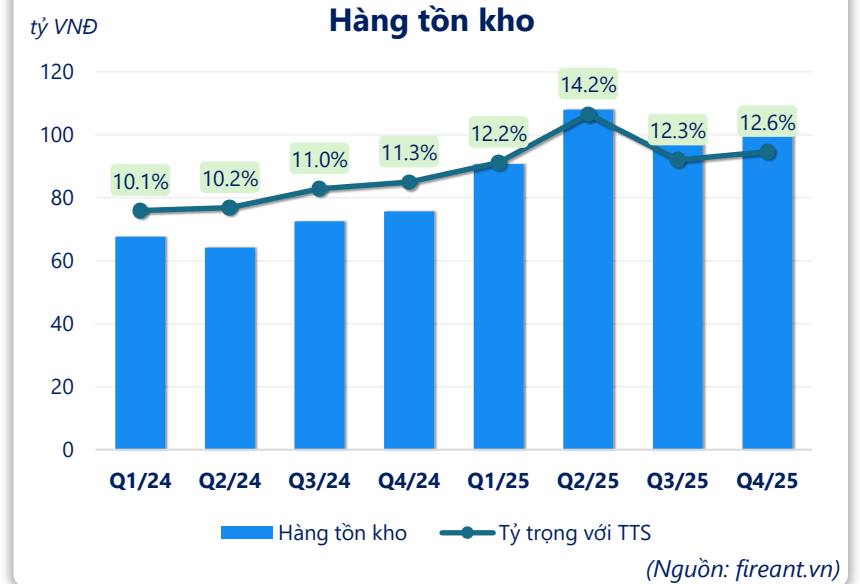
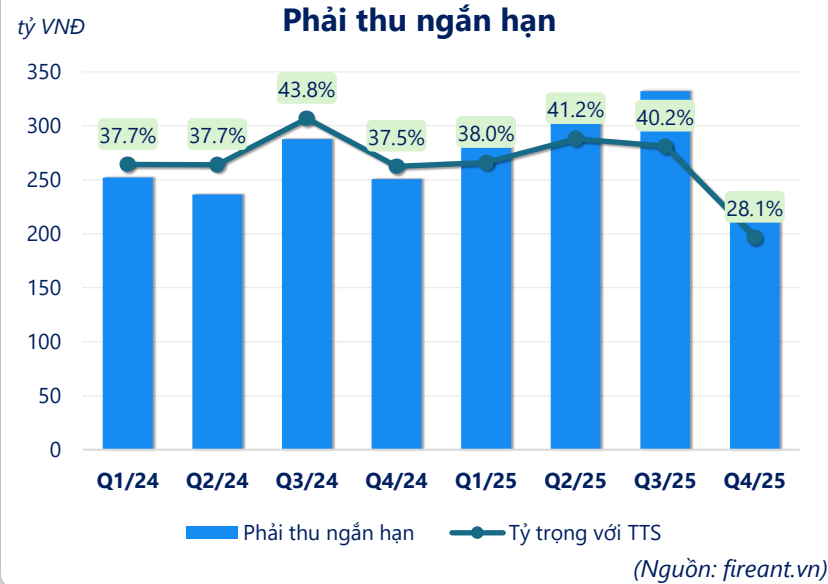
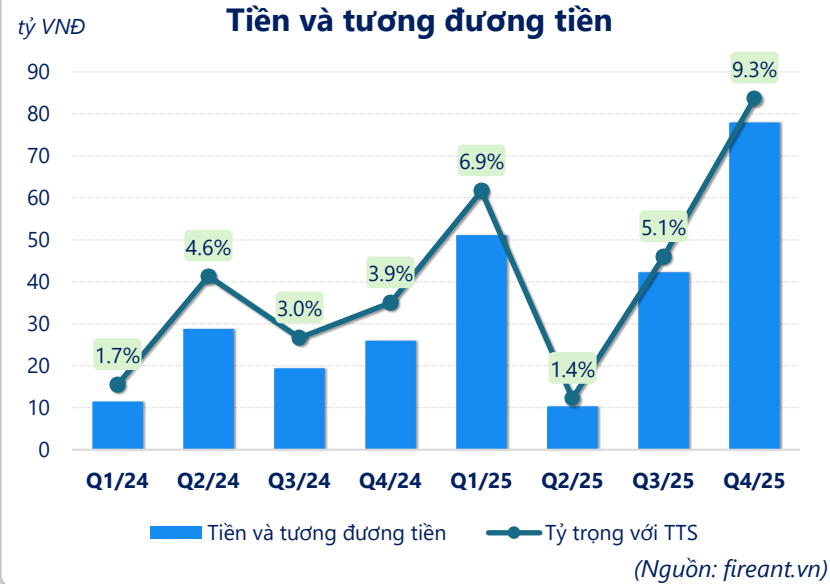
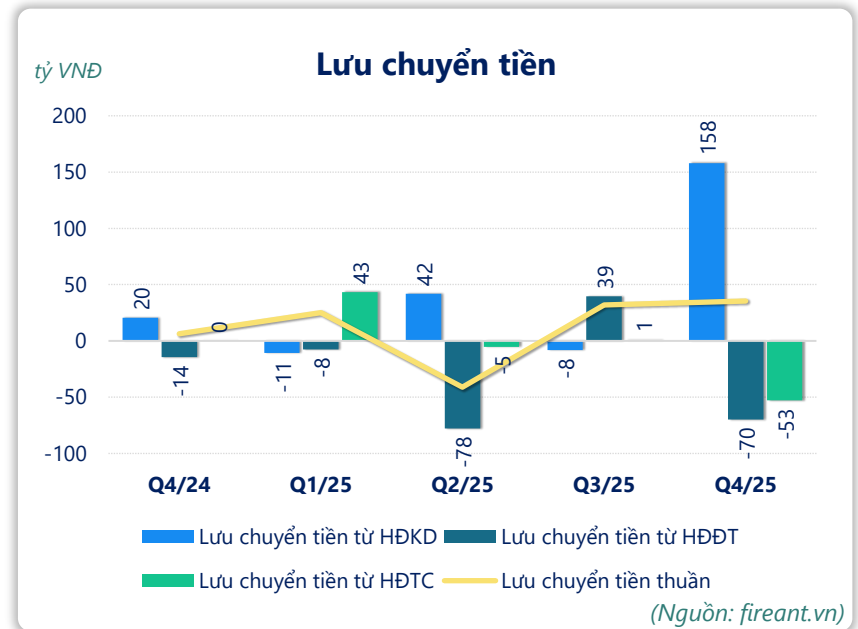
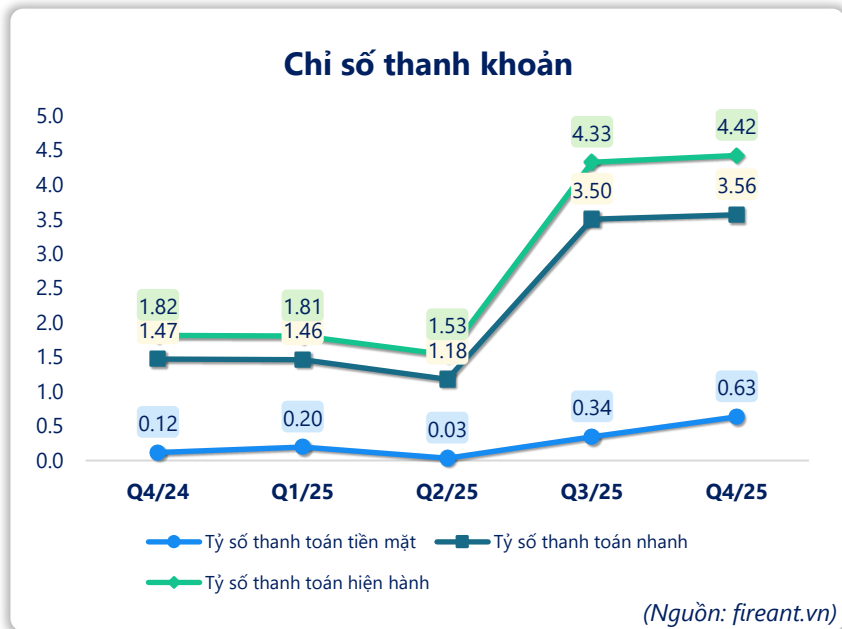
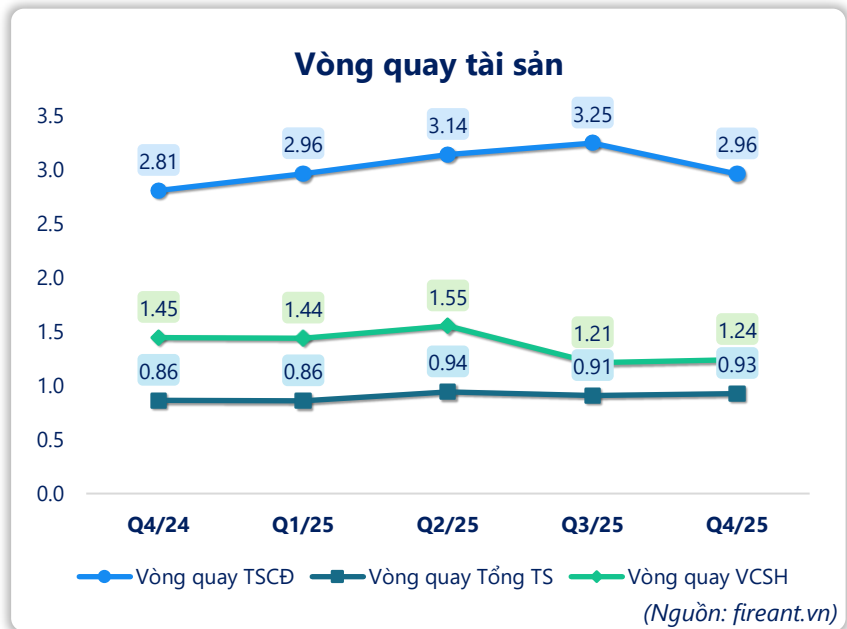
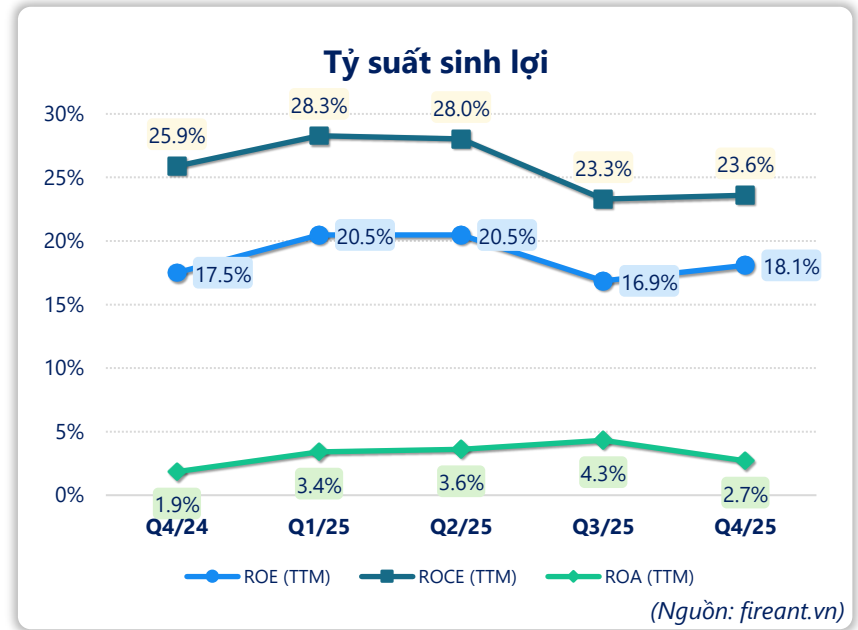
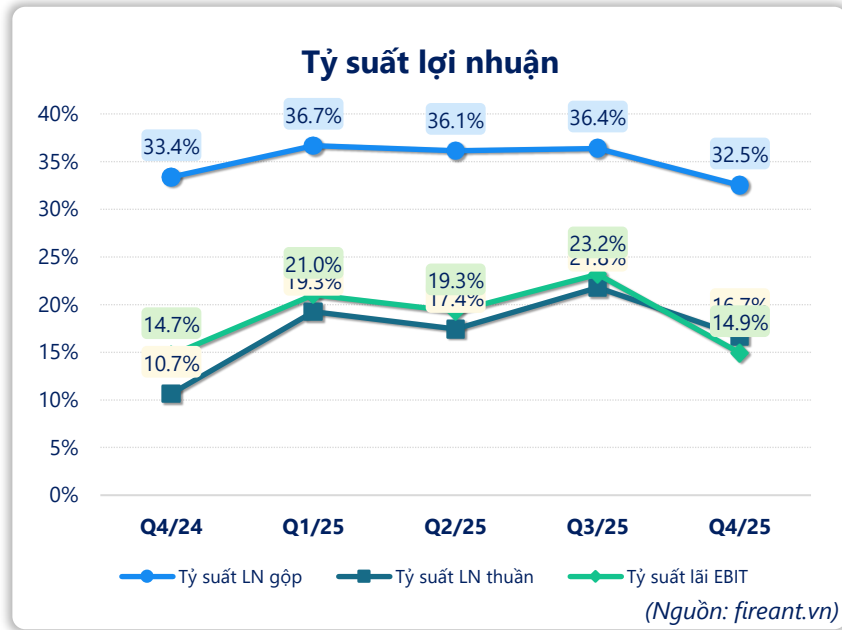
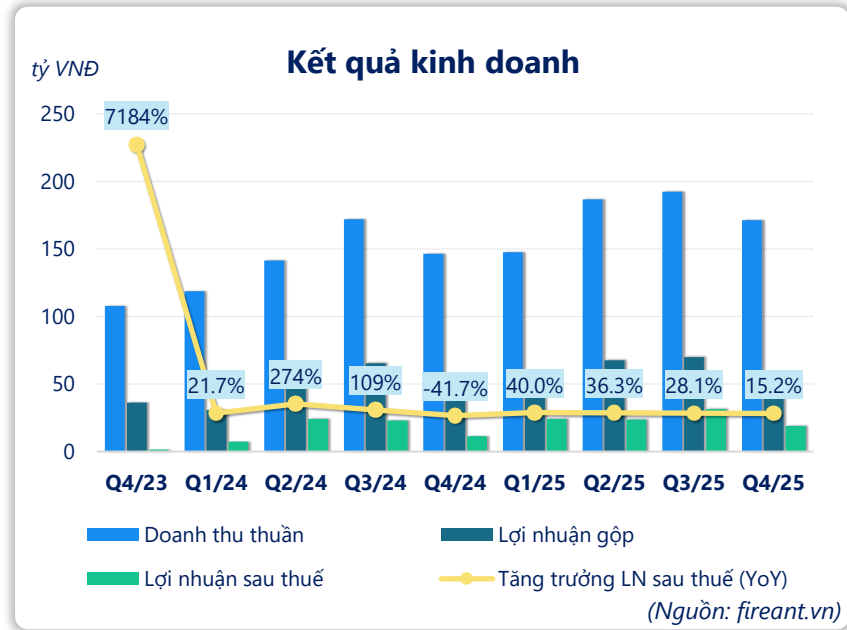


Thông tin giao dịch		31/12/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		33,500
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		34,800
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		19,511
SL cổ phiếu LH		43,246,471
KLGD BQ 20 phiên (CP)		97,476
% sở hữu nước ngoài		1.8%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		1,449
P/E		14.3
EPS		2,350

	YTD	1T	3T	6T
GCF	61.6%	19.6%	7.5%	21.7%
VNINDEX	40.5%	2.7%	5.9%	26.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	838	665	26.0%
Tài sản ngắn hạn	544	396	37.4%
Tiền và tương đương tiền	78.0	26.0	200%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	107	35.8	199%
Phải thu ngắn hạn	236	247	-4.5%
Hàng tồn kho	106	75.2	40.7%
Tài sản ngắn hạn khác	17.6	12.3	42.8%
Tài sản dài hạn	294	269	9.2%
Phải thu dài hạn	0.75	2.11	-64.4%
Tài sản cố định	240	188	27.7%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	24.9	53.2	-53.3%
Đầu tư tài chính dài hạn	11.2	11.3	-0.7%
Tài sản dài hạn khác	16.8	14.5	15.7%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	143	238	-39.8%
Nợ ngắn hạn	123	220	-44.2%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	62.1	154	-59.8%
Phải trả người bán ngắn hạn	15.9	22.2	-28.4%
Nợ dài hạn	20.3	17.6	15.5%
Vay và nợ thuê dài hạn	2.52	2.52	0.0%
Nguồn vốn chủ sở hữu	695	427	62.7%
Vốn chủ sở hữu	695	427	62.7%
Vốn điều lệ	432	307	41.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Doanh thu thuần	147	148	187	192	171
Giá vốn hàng bán	97.6	93.5	119	122	116
Lợi nhuận gộp	48.9	54.1	67.5	70.0	55.7
Doanh thu HĐTC	4.47	0.63	1.65	0.42	3.06
Chi phí TC	5.76	2.72	3.82	3.13	1.18
Chi phí lãi vay	5.89	2.53	3.67	3.08	0.96
LN trong công ty LKLD	0	0	0.02	-0.02	0
Chi phí bán hàng	13.6	10.7	11.1	12.6	12.2
Chi phí QLDN	18.4	12.9	21.6	12.7	16.8
LN thuần từ HĐKD	15.6	28.4	32.6	41.9	28.6
Lợi nhuận khác	0.03	0.09	-0.21	-0.40	-4.03
LN trước thuế	15.6	28.5	32.4	41.5	24.6
Lợi nhuận sau thuế	11.4	24.1	23.8	31.6	19.1
LNST của CĐ cty mẹ	12.4	24.2	25.0	32.0	20.4

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	20.5	-10.6	41.9	-8.14	158
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-14.4	-7.52	-77.7	39.5	-69.8
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	0.21	43.3	-5.33	0.58	-52.7
Tiền đầu kỳ	19.4	26.0	51.1	10.3	42.2
Lưu chuyển tiền thuần	6.28	25.2	-41.1	31.9	35.4
Ảnh hưởng tỷ giá	0.27	0	0.30	0.02	0.32
Tiền cuối kỳ	26.0	51.1	10.3	42.2	78.0

(Nguồn: fireant.vn)